

Số: /KH-UBND

Vân Sơn, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số
xã Vân Sơn năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

Thực hiện Công văn số 1178/SKHCN-CĐS ngày 25/3/2026 của của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bắc Ninh năm 2026. UBND xã Vân Sơn xây dựng kế hoạch triển khai như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kinh tế số và xã hội số là định hướng chiến lược, là cơ hội để xã Vân Sơn nói riêng cũng như tỉnh Bắc Ninh nói chung bứt phá trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đây không chỉ là không gian tăng trưởng mới của địa phương trong giai đoạn 2026–2030, mà còn là động lực then chốt được thúc đẩy bởi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần đưa xã Vân Sơn trở thành một trong các xã công nghiệp vận dụng công nghệ vào sản xuất và trở thành một trong những địa phương phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

2. Kinh tế số và xã hội số bước sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu, đặt 2 trọng tâm vào chất lượng, hiệu quả và tính bền vững, gắn với hiện đại hóa quản trị chính quyền các cấp. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể tham gia và thụ hưởng; trong đó, doanh nghiệp công nghệ số tư nhân giữ vai trò quan trọng trong hệ sinh thái phát triển kinh tế số và xã hội số.

3. Phát triển dựa trên năm yếu tố nền móng đồng bộ: thể chế, chính sách phù hợp và linh hoạt; nhân lực số chất lượng cao; hạ tầng số hiện đại, an toàn, phủ rộng đến cơ sở; dữ liệu trở thành yếu tố sản xuất chủ đạo và làm chủ các công nghệ chiến lược.

4. Bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu và bảo vệ chủ quyền số trên không gian mạng là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển kinh tế số và xã hội số của xã cũng như toàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số năm 2026

1.1. Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế.

1.2. Mục tiêu cơ bản năm 2026

- Kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP xã.
- Tỷ lệ doanh nghiệp, HTX và các hộ kinh doanh vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số đạt 20%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 2%.
- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)/GRDP tối thiểu 2%.

2. Phát triển xã hội số năm 2026 với các mục tiêu

2.1 Xã hội số là xã hội tích hợp công nghệ số một cách tự nhiên và mặc định vào mọi mặt đời sống, người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hóa số.

2.2 Mục tiêu cơ bản năm 2026

- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ 01 Gb/s đạt 80%.
- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã đạt 50% dân số.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt $\geq 60\%$.
- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt $\geq 55\%$.
- Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 10%.
- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động đạt 55%.
- Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt trên $> 90\%$.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt $> 70\%$.
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt trên $> 80\%$.
- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ người dân được định danh số đạt trên $\geq 90\%$.
- Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt trên 10%.

III. PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

1. Thể chế

Nền tảng dẫn dắt, kiến tạo không gian, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số. Đây là nhiệm vụ đi trước một bước, bảo đảm hành lang pháp lý minh bạch, thuận lợi, tạo động lực đổi mới sáng tạo và giải phóng nguồn lực xã hội.

Đảm bảo cập nhật đầy đủ và tổ chức triển khai, thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số.

Tích hợp đa dạng các thông tin, các văn bản chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo xã trên Cổng thông tin điện tử xã Vân Sơn để mọi cá nhân, tổ chức có thể khai thác thông tin thuận lợi.

2. Hạ tầng

Phát triển hạ tầng số nhanh, đồng bộ, hiện đại, an toàn để thúc đẩy kinh tế số và xã hội số. Phát huy vai trò chủ đạo của Nhà nước trong đầu tư, quy hoạch và phát triển hạ tầng số thiết yếu. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn theo cơ chế thị trường và chính sách ưu đãi của tỉnh dành cho địa phương.

Trọng tâm:

a) Phổ cập kết nối số toàn dân, an toàn; phát triển hạ tầng tiện ích số cốt lõi:

- Phủ sóng băng rộng cố định, băng rộng di động trên toàn xã, kể cả các thôn có mật độ dân cư thưa thớt đồi núi hiểm trở; triển khai thử nghiệm Internet vệ tinh; xóa hoàn toàn vùng lõm sóng di động.

- Tích hợp, khai thác và phát triển các nền tảng số dùng chung, tiện ích số thiết yếu như: định danh số, thanh toán số, hóa đơn điện tử, chữ ký số.

- Mỗi người dân có một tài khoản số thống nhất (VNeID) để tiếp cận mọi dịch vụ số do nhà nước cung cấp.

b) Thông minh hóa hạ tầng truyền thông, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế số:

- Tập trung phát triển hạ tầng 5G, mạng IoT thế hệ mới, và hạ tầng kết nối thông minh cho xã, các khu du lịch, các địa điểm tổ chức sự kiện lớn trên toàn xã;

- Thông minh hóa hạ tầng vật lý, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực thiết yếu như: giao thông, đô thị, nông nghiệp, môi trường, năng lượng; triển khai bắt buộc đối với một số dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cơ bản mới quan trọng, có tác động lớn.

c) Phát triển một số hạ tầng công nghệ số của xã; Đồng bộ với tỉnh theo mô hình ‘hạ tầng như một dịch vụ’ (AI, dữ liệu, chuỗi khối...), tạo điều kiện để doanh nghiệp, HTX tổ chức, cá nhân dễ dàng khai thác, sử dụng, chia sẻ và sáng tạo trên cùng một nền tảng chung.

3. Nền tảng số

Phát triển nền tảng số trở thành không gian cho các hoạt động của kinh tế số và xã hội số. Phát triển, triển khai và khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh dành cho địa phương. Tăng cường ứng dụng, kết nối và khai thác các nền tảng số quốc gia.

Trọng tâm:

a) Ứng dụng rộng rãi nền tảng số quản trị, vận hành trong mọi lĩnh vực để đưa toàn bộ hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh lên môi trường số và hình thành kho dữ liệu thời gian thực thông qua sử dụng nền tảng.

Tích hợp hạ tầng tiện ích số (định danh, thanh toán, chữ ký số...) vào nền tảng quản trị, tạo không gian sử dụng các tiện ích số.

b) Hình thành hệ sinh thái nền tảng số trong từng ngành, lĩnh vực, công bố và cập nhật hệ sinh thái nền tảng số theo từng ngành, lĩnh vực.

c) Phát triển nền tảng số dùng chung, ban hành danh mục ưu tiên đầu tư và triển khai nền tảng dùng chung của tỉnh.

Bảo đảm thống nhất, liên thông dữ liệu và quản lý, định hướng đầu tư thị trường.

4. Dữ liệu số

Dữ liệu là yếu tố sản xuất, nguồn tài nguyên chiến lược trong phát triển kinh tế số và xã hội số. Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong kiến tạo; kết nối và dẫn dắt hạ tầng dữ liệu; công bố dữ liệu mở theo quy định; khuyến khích doanh nghiệp nền tảng số chia sẻ dữ liệu góp phần hình thành nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực. Đột phá chính sách được đặt vào việc thúc đẩy hình thành hạ tầng dữ liệu của tỉnh, nhằm khơi thông các nguồn lực từ dữ liệu.

Trọng tâm:

a) Rà soát, hoàn thiện chính sách tài chính, lệ phí cho hoạt động kết nối, cung cấp, chia sẻ dữ liệu công - tư, tạo nguồn thu bền vững, thúc đẩy thị trường dữ liệu phát triển.

b) Xây dựng, hoàn thiện chính sách về tài sản dữ liệu, quyền sở hữu và phân phối giá trị dữ liệu, tạo cơ sở pháp lý cho kinh doanh, thương mại hóa dữ liệu.

c) Phát triển dữ liệu mở phục vụ kinh tế - xã hội số, gồm: hành lang pháp lý, danh mục dữ liệu mở, cơ chế chia sẻ và thiết lập, duy trì, vận hành Công dữ liệu mở; phát động sáng kiến, cuộc thi khai thác dữ liệu mở tạo giá trị mới.

5. Chuyển đổi AI

Chuyển đổi AI là quá trình tích hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, tối ưu vận hành và đổi mới phương thức ra quyết định. Đẩy nhanh quá trình tích hợp AI vào các hoạt động của nền kinh tế, tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc đạo đức, an toàn và quyền riêng tư.

Trọng tâm:

a) Mỗi ngành, lĩnh vực cần xác định một số bài toán trọng điểm có thể giải quyết hiệu quả bằng AI.

b) Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi AI, trong đó: thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng AI trong quy trình quản trị, vận hành, sản xuất - kinh doanh; phát huy vai trò doanh nghiệp công nghệ số trong phát triển nền tảng tích hợp AI, phổ cập dịch vụ AI đến các cơ quan, doanh nghiệp HTX trên địa bàn.

6. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, kinh tế số, xã hội số; đồng thời tạo dựng niềm tin xã hội khi chuyển đổi từ môi trường thực sang môi trường số. Chủ động xây dựng năng lực phòng thủ mạng, hình thành một hệ sinh thái an toàn - tin cậy - tự chủ.

Trọng tâm:

a) Đảm bảo quy định về an toàn thông tin mạng xuyên suốt quá trình thiết kế, phát triển và vận hành các hạ tầng số, nền tảng số.

b) Phổ cập các công cụ, nền tảng số bảo vệ người dân và doanh nghiệp ở mức cơ bản: duyệt web an toàn, tránh tin nhắn và cuộc gọi rác, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tiếp cận nội dung lành mạnh.

c) Đẩy mạnh hệ sinh thái tín nhiệm mạng, dán nhãn, đánh giá tín nhiệm cho các website, phần mềm, nền tảng đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin, tạo niềm tin và hướng dẫn người dân nhận diện dịch vụ an toàn.

d) Phát triển thị trường bảo hiểm an toàn thông tin mạng, giúp doanh

nghiệp, tổ chức có khả năng phục hồi sau sự cố.

đ) Thúc đẩy sử dụng chữ ký số và dịch vụ tin cậy để bảo đảm an toàn cho các giao dịch điện tử.

e) Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin của các hệ thống mạng, hệ thống thông tin, nền tảng, cơ sở dữ liệu; tổ chức diễn tập, ứng cứu sự cố bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

7. Nhân lực số

Nhân lực số là yếu tố then chốt mang tính quyết định đối với sự phát triển kinh tế số và xã hội số quốc gia. Phát triển nhân lực công nghệ số phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ; Phát triển nhân lực có kỹ năng số có khả năng sử dụng các nền tảng số phục vụ công việc trong mọi ngành, lĩnh vực.

Đột phá chiến lược là triển khai mô hình “Học từ làm việc thực tế”, liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường.

8. Công dân số và văn hoá số

Phát triển công dân số, văn hoá số là trụ cột nền tảng để kiến tạo một xã hội số công bằng, an toàn. Đây không chỉ là nhiệm vụ công nghệ mà còn là chiến lược chuyển đổi tư duy, hình thành nếp sống số và giá trị văn hoá số trên không gian mạng.

Đột phá chiến lược là: Phổ cập kỹ năng số, văn hoá số toàn dân; sử dụng nền tảng số do doanh nghiệp phát triển.

Trọng tâm:

a) Ứng dụng khung kỹ năng số quốc gia và chuẩn kỹ năng số theo từng nhóm đối tượng.

b) Triển khai các chương trình: “Bình dân học vụ số” cho người dân; chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động. Các chương trình được tổ chức kết hợp trực tiếp và trực tuyến trên nền tảng MOOCs phù hợp khung và chuẩn kỹ năng số.

c) Triển khai chương trình Phát triển công dân số:

- Bảo đảm mỗi công dân trưởng thành có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được tập huấn kỹ năng số cơ bản.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, y tế số, giáo dục số, thương mại điện tử, mạng xã hội, thanh toán điện tử, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

9. Doanh nghiệp số

Phát triển các doanh nghiệp số là lực đẩy chủ đạo để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số Make in Vietnam, thúc đẩy chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực.

Đột phá chiến lược là hình thành một số doanh nghiệp số chủ lực, có năng lực dẫn dắt thị trường, xây dựng hệ sinh thái số tự chủ, bền vững trong các ngành kinh tế trọng điểm.

10. Quản trị số

Quản trị số là nền tảng cốt lõi để xây dựng mô hình quản trị quốc gia hiện

đại, dựa trên dữ liệu, vận hành theo thời gian thực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả ở mọi cấp chính quyền.

Trọng tâm:

a) Cải cách hành chính dựa trên công nghệ số:

- Chuyển toàn bộ thủ tục hành chính sang môi trường số, toàn trình, hạn chế tiếp xúc trực tiếp.

- Áp dụng hậu kiểm thay cho tiền kiểm, cắt giảm mạnh thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

- Ưu tiên dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh hơn, minh bạch hơn, chính xác hơn.

b) Hệ thống dữ liệu phục vụ quản trị điều hành:

- Hình thành dữ liệu kinh tế số, xã hội số theo thời gian thực, sinh ra từ hoạt động vận hành của các nền tảng số và hệ thống thông tin.

- Tích hợp, liên thông dữ liệu vào hệ thống chỉ đạo, điều hành của tỉnh bảo đảm ra quyết định chính xác, kịp thời.

IV. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

Phát triển kinh tế số và xã hội số toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực và tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, cụ thể như sau:

1. Nông nghiệp và Môi trường

1.1. Nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp số toàn diện, kết hợp công nghệ số trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp từ sản xuất, quản lý, tiêu thụ, truy xuất, dự báo, cảnh báo, đào tạo, phổ cập kỹ năng; hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Trọng tâm:

a) Triển khai Chương trình thúc đẩy sử dụng nền tảng số quản trị trang trại, hợp tác xã (trồng trọt, chăn nuôi, tiêu thụ); tích hợp cảm biến IoT thu thập dữ liệu theo thời gian thực phục vụ chăm sóc, tưới tiêu tự động và chính xác.

b) Xây dựng nền tảng dữ liệu số nông nghiệp:

- Kết hợp dữ liệu từ Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

- Tập trung vào các dữ liệu về quan trắc, nông học, khí hậu, thổ nhưỡng, thị trường và dự báo sản lượng.

c) Triển khai các nền tảng:

- Nền tảng số quản trị trang trại, hợp tác xã nông nghiệp.

- Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản quốc gia, kết nối đa chiều với địa phương, doanh nghiệp.

- Nền tảng AI phát hiện sớm dịch bệnh, tận dụng trí tuệ cộng đồng và dữ liệu dán nhãn do nông dân cung cấp.

d) Tập huấn và phổ cập cho nông dân kỹ năng số sử dụng nền tảng số quản trị trang trại, sàn thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, thanh toán số, và phòng chống lừa đảo qua mạng.

1.2. Tài nguyên và môi trường

Lĩnh vực tài nguyên và môi trường số là định hướng tất yếu nhằm phục vụ phát triển xanh, tăng trưởng bền vững, chuyển dịch sang nền kinh tế carbon thấp, sử dụng năng lượng tái tạo, thân thiện môi trường.

2. Du lịch và Văn hoá

2.1. Du lịch

Lĩnh vực du lịch, trọng tâm là thúc đẩy ứng dụng công nghệ số để nâng cao trải nghiệm du khách, tăng năng lực quản trị, vận hành, và phát triển mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu.

Trọng tâm:

a) Tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy, sử dụng nền tảng số quản trị, kinh doanh du lịch theo các phân khúc: lưu trú, lễ hành, ăn uống và trải nghiệm điểm đến.

b) Xây dựng hệ thống dữ liệu du lịch thống nhất toàn tỉnh trên nền tảng GIS, tích hợp dữ liệu các khu, điểm du lịch cũ và mới sau sáp nhập; Chuẩn hóa, cập nhật thông tin doanh nghiệp, cơ sở lưu trú, dịch vụ, sản phẩm OCOP, làng nghề...

c) Đa dạng hóa hình thức du lịch thông qua phát triển các tour số, du lịch thực tế ảo, tăng cường quảng bá và tương tác trực tuyến để thu hút khách đến trải nghiệm thực tế.

d) Đầu tư xây dựng bộ nhận diện du lịch xã Vân Sơn nói riêng và tỉnh Bắc Ninh nói chung trên nền tảng số; Tổ chức chiến dịch quảng bá số; Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, điểm du lịch cộng đồng tiếp cận công cụ số.

đ) Tổ chức khóa bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ quản lý, hướng dẫn viên, chủ cơ sở du lịch; Kết nối với các trường đại học, doanh nghiệp công nghệ...

2.2. Văn hoá

Phát triển văn hóa số là đòn bẩy phát triển công nghiệp văn hóa, lan tỏa các giá trị trên không gian mạng, đóng góp thiết thực cho tăng trưởng kinh tế và giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc trong thời đại số.

Trọng tâm:

a) Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu văn hóa tập trung, đồng bộ, toàn diện, bao gồm di sản, nghệ thuật, sản phẩm văn hóa, công trình nghiên cứu. Đồng thời, huy động lực lượng trí thức, thanh niên, tổ công nghệ số cộng đồng làm nòng cốt kiến tạo văn hóa số trong toàn dân.

b) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số (AI, VR/AR, 3D) để sáng tạo các sản phẩm văn hóa mới (phim hoạt hình, trò chơi, nội dung đa phương tiện...) mang đậm dấu ấn, bản sắc địa phương.

c) Ứng dụng nền tảng mở của quốc gia về văn hóa số (MyCulture), là nền tảng tích hợp tra cứu thông tin, trải nghiệm thực tế ảo, thương mại và giáo dục văn hóa, với sự tham gia đồng kiến tạo của người dân và doanh nghiệp.

d) Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo vệ bản quyền, sở hữu trí tuệ cho sản phẩm văn hóa số, gắn với cơ chế phân phối lợi ích công bằng giữa các bên khi số hóa di sản và khai thác nội dung sáng tạo.

3. Thương mại, công nghiệp và năng lượng

3.1. Thương mại

Phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử, chuyển đổi toàn diện hoạt động kinh doanh, phân phối sang môi trường số, mở rộng thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Trọng tâm:

a) Thúc đẩy thương mại điện tử theo từng ngành, địa phương, ưu tiên nơi có tiềm năng về nông sản, thủ công mỹ nghệ, logistics tốt. Hỗ trợ hộ nông dân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nhỏ lên sàn thương mại điện tử. Thí điểm xuất khẩu qua thương mại điện tử ở một số địa phương có năng lực cao.

b) Đào tạo lực lượng thương mại điện tử toàn diện, đặc biệt cho đồng bào dân tộc thiểu số xã đây là giải pháp thiết thực để xóa đói, giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách số.

c) Quản lý chặt chẽ hoạt động thương mại điện tử, phòng chống hàng giả, gian lận, bảo vệ người tiêu dùng, nâng cao hiệu quả thu thuế và xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, cạnh tranh, bền vững.

d) Phát triển các sàn thương mại điện tử ngách và bán buôn, tập trung vào sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, hàng làng nghề, nông sản chế biến, sản phẩm OCOP và đặc sản vùng của xã Vân Sơn, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu qua các nền tảng số.

đ) Thúc đẩy nền tảng thực tế ảo, như gian hàng số, triển lãm số, trưng bày số để tăng trải nghiệm người dùng và xúc tiến thương mại không biên giới.

e) Đẩy mạnh hoạt động đầu tư hạ tầng thương mại điện tử hiện đại, bao gồm kho hàng, kho lạnh, trung tâm chia, chọn đảm bảo hoạt động thương mại điện tử vận hành thông suốt, hiệu quả, chuyên nghiệp.

3.2. Năng lượng

Lĩnh vực năng lượng, trọng tâm là hiện đại hóa hạ tầng điện lực, phát triển lưới điện thông minh, quản lý hiệu quả tiêu dùng năng lượng và tích hợp tối đa các nguồn năng lượng tái tạo.

Trọng tâm:

a) Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển lưới điện thông minh, nâng cấp hạ tầng điện hiện tại bằng công nghệ IoT, cảm biến và tự động hóa, giúp tăng độ tin cậy cung cấp điện, giảm thời gian gián đoạn, và hỗ trợ tích hợp nguồn điện tái tạo quy mô lớn.

b) Ứng dụng hệ thống quản lý năng lượng phân tán (DERMS) để điều phối hiệu quả nguồn điện mặt trời, điện gió và các nguồn tái tạo khác vào hệ thống điện quốc gia, nâng cao tính linh hoạt và ổn định của lưới điện.

c) Triển khai hệ thống đo đếm thông minh tới từng hộ gia đình, cho phép thu thập dữ liệu điện năng từ xa, minh bạch hoá thông tin tiêu thụ, giúp người dân chủ động theo dõi, thanh toán điện năng, đồng thời góp phần tiết kiệm năng lượng.

4. Giáo dục, đào tạo và lao động, việc làm

4.1. Giáo dục phổ thông

Ưu tiên xây dựng và triển khai các nền tảng số đồng bộ, bảo đảm số hóa toàn diện hoạt động giáo dục phổ thông theo hướng hình thành hệ sinh thái giáo dục số xuyên suốt từ học sinh, giáo viên, nhà trường đến cơ quan quản lý.

Trọng tâm:

a) Triển khai đồng bộ Nền tảng quản trị trường học, đưa toàn bộ hoạt động quản lý và dạy học của nhà trường lên môi trường số; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ với hệ thống quản lý giáo dục các cấp, góp phần hình thành kho dữ liệu giáo dục thống nhất dùng chung trong toàn ngành.

b) Xây dựng Nền tảng dạy học, thi trực tuyến, bảo đảm tính kết nối, sẵn sàng mở rộng, linh hoạt theo thực tiễn tổ chức thi cử, học tập; hướng tới cá thể hóa quá trình học và quản trị chất lượng toàn diện.

c) Mỗi học sinh có một hồ sơ học tập số cá nhân xuyên suốt, cập nhật theo thời gian thực, phục vụ quản lý học tập suốt đời, gắn định danh số công dân, bảo đảm tính đúng - đủ - sạch - sống.

d) Tổ chức dạy học kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics từ phổ thông; gắn với tập huấn giáo viên, trang bị thiết bị và hợp tác doanh nghiệp, tổ chức chuyên môn; hướng tới nâng cao năng lực số công dân tương lai.

đ) Phát triển hệ thống quản lý nội dung học tập và chuẩn hóa học liệu số, phục vụ dùng chung, chia sẻ, giúp giáo viên tăng thời gian tương tác, sáng tạo; bảo đảm chất lượng giáo dục đồng đều giữa các vùng miền.

e) Ứng dụng nền tảng bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý, hỗ trợ tổ chức lớp học trực tuyến, theo dõi quá trình tập huấn đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới.

4.2. Lao động và việc làm

Phát triển lĩnh vực lao động, việc làm nhằm hiện đại hóa quản lý, đảm bảo an sinh, thúc đẩy thị trường lao động vận hành minh bạch, hiệu quả, linh hoạt trên nền tảng số.

Trọng tâm:

a) Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lao động, việc làm đồng bộ với tỉnh, cập nhật theo thời gian thực phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu xây dựng nền tảng hợp đồng lao động điện tử, đẩy mạnh ứng dụng giao kết hợp đồng qua môi trường số, tiến tới phổ cập trên toàn thị trường lao động.

c) Nghiên cứu xây dựng, triển khai sổ lao động điện tử cho từng người lao động, tạo điều kiện quản lý xuyên suốt quá trình làm việc, bảo đảm quyền lợi và chính sách.

d) Công bố định kỳ báo cáo dự báo nhu cầu nhân lực, đặc biệt trong các ngành công nghệ số, an toàn thông tin, điện tử - viễn thông; cập nhật xu thế nghề nghiệp, định hướng đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động trong tỉnh.

5. Y tế

Phát triển y tế số là một trụ cột quan trọng trong kinh tế số và xã hội số, nhằm hiện đại hoá ngành y tế, kết nối liên thông toàn ngành, lấy người dân làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng, công nghệ làm động lực.

Trọng tâm:

a) Triển khai và thúc đẩy sử dụng bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe cá nhân;

hình thành kho dữ liệu về khám, chữa bệnh, phục vụ công tác chuyên môn và quản lý nhà nước.

b) Xây dựng, ứng dụng các nền tảng y tế số: từ quản lý hành nghề, quản lý bệnh án, đơn thuốc điện tử, tiêm chủng, đến tư vấn - khám chữa bệnh từ xa; kết nối liên thông bác sĩ - bệnh viện - người dân - bảo hiểm; Nền tảng quản lý an toàn thực phẩm, phục vụ kiểm soát quy trình, giám sát, cấp phép và cảnh báo vi phạm.

c) Xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân được duy trì thường xuyên, kết nối định danh công dân, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống”, giúp người dân chủ động theo dõi, chăm sóc sức khỏe.

d) Từng bước thay thế bệnh án giấy bằng bệnh án điện tử, bảo đảm pháp lý cho thanh toán bảo hiểm y tế; chuẩn hóa, số hóa toàn bộ quy trình quản lý khám chữa bệnh.

đ) Thúc đẩy liên thông, công nhận dữ liệu giữa các cơ sở y tế, tăng tiện ích cho người bệnh, giảm trùng lặp, tiết kiệm chi phí xã hội.

e) Đẩy mạnh đào tạo chuyên ngành y tế số, kết hợp lý thuyết với thực hành trên các nền tảng số hiện đại, trang bị cho đội ngũ y bác sĩ năng lực vận hành hệ thống số và khai thác công nghệ như AI trong chẩn đoán, điều trị.

6. Các ngành, lĩnh vực khác

Các ngành, lĩnh vực khác, căn cứ các nội dung tại mục III. Phát triển nền móng kinh tế số xã hội số của Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý.

V. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

a) Củng cố và vận hành hiệu quả Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 của xã, bảo đảm vai trò định hướng trọng tâm, điều phối nguồn lực và giám sát xuyên suốt trong thực hiện Kế hoạch hiệu quả theo từng năm, và cả giai đoạn.

b) Duy trì và phát huy hiệu quả tổ công nghệ số cộng đồng tại cơ sở, lan tỏa công nghệ đến tận người dân.

2. Nghiên cứu, phát triển

Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ số mới là điều kiện tiên quyết để bứt phá trong kinh tế số, xã hội số, xây dựng năng lực nội sinh, làm chủ hạ tầng, nền tảng và chuỗi giá trị số.

a) Ưu tiên phát triển các công nghệ số trọng điểm như trí tuệ nhân tạo, bản sao số, chuỗi khối, dữ liệu lớn, thực tế ảo/tăng cường... kết hợp công nghệ mở, mã nguồn mở.

b) Chủ động tìm kiếm, thu hút chuyên gia công nghệ số trong và ngoài nước, tạo cơ chế đãi ngộ đột phá, tập trung vào công nghệ lõi và nền tảng số. Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là kinh tế số nền tảng, kinh doanh trực tuyến.

c) Đầu tư xây dựng các mô hình mẫu về chuyển đổi số, mô hình doanh nghiệp số điển hình, phù hợp đặc thù từng ngành, từng địa phương; phát huy vai trò dẫn dắt

của doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp công nghệ tài chính và doanh nghiệp nền tảng, tạo lập hệ sinh thái số, dẫn dắt chuyển đổi số toàn chuỗi cung ứng.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

Triển khai đồng bộ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến theo hướng sâu rộng, đa kênh, thực chất, hiệu quả.

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo của xã để lan tỏa thông điệp về một xã Vân Sơn chủ động trong kỷ nguyên số, gắn kết tuyên truyền kinh tế số với hình ảnh văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế - xã hội góp một phần vào trong động lực phát triển toàn xã.

b) Đẩy mạnh truyền thông đại chúng, tập huấn phổ cập kỹ năng số, ứng dụng nền tảng số tới người dân, doanh nghiệp; phát triển các kênh hỗ trợ như tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo để ai cũng có thể hiểu, có thể dùng và hưởng lợi từ công nghệ số.

c) Tổ chức các cuộc thi, chiến dịch truyền thông đại chúng, chương trình tương tác, tìm kiếm mô hình và giải pháp số xuất sắc - vừa nâng cao nhận thức, vừa khơi dậy tinh thần sáng tạo trong toàn dân, đặc biệt giới trẻ và doanh nghiệp.

d) Thiết lập chuyên trang kinh tế số, xã hội số trên Cổng thông tin của xã, nơi cung cấp thông tin chính thống, cập nhật tiến độ Kế hoạch, tích hợp dữ liệu phát triển và tạo diễn đàn kết nối chuyên gia - doanh nghiệp - cơ quan quản lý để thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

đ) Công bố danh mục bài toán lớn về chuyển đổi số của xã đã đăng ký với tỉnh,

4. Bảo đảm kinh phí

Kinh phí là điều kiện thực thi, là cam kết hành động. Không có bảo đảm về nguồn lực thì không thể nói đến sự bền vững và hiệu quả của Kế hoạch.

a) Các cơ quan, ban, ngành xã có trách nhiệm chủ động bố trí kinh phí từ dự toán được giao, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Kinh phí đầu tư tập trung cho hạ tầng, hệ thống thông tin, nền tảng số, trang thiết bị công nghệ; kinh phí thường xuyên dành cho thể chế, điều tra, đo lường, đào tạo, tuyên truyền, vận hành hệ thống, hỗ trợ doanh nghiệp. Khuyến khích cơ chế thuê, mua thay vì tự đầu tư - nhằm tăng hiệu quả, giảm manh mún, tránh lãng phí tài sản công.

c) Doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở giáo dục tự chủ tài chính có trách nhiệm bố trí nguồn lực phù hợp để thực hiện các nội dung được giao. Không làm thay, không bao cấp triệt để, khuyến khích cùng đầu tư - cùng hưởng lợi.

d) Thúc đẩy vai trò doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp công nghệ số trong việc xây dựng, vận hành nền tảng số dùng chung. Từng bước hình thành thị trường cung cấp giải pháp số cho Nhà nước, có cơ chế đặt hàng, thuê dịch vụ thay vì xây dựng phân tán.

đ) Tận dụng các quỹ khoa học công nghệ để tài trợ, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế số, xã hội số. Chủ động khai thác các nguồn lực ngoài ngân sách.

5. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

Phát triển phải đi liền với bền vững; chủ động kiểm soát, giảm thiểu những

tác động sâu sắc tới xã hội do công nghệ mang lại.

a) Chủ động đánh giá tác động công nghệ tới việc làm, ngành nghề, và nhóm yếu thế, để có chính sách đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi phù hợp, bao trùm, không ai bị bỏ lại phía sau; Ưu tiên nhóm dễ bị thay thế bởi tự động hóa, trí tuệ nhân tạo.

b) Phát triển nền tảng số đơn giản, dễ dùng, giúp người dân tự kiểm soát thời lượng và mức độ sử dụng công nghệ. Ứng dụng AI để chặn lọc nội dung độc hại, bảo vệ người dùng trong không gian mạng - nhất là trẻ em, thanh thiếu niên và nhóm yếu thế.

c) Tăng cường thu gom, xử lý rác thải công nghệ, xây dựng mô hình kinh tế số xanh - sạch - bền vững. Phát triển số không được đánh đổi môi trường sống và sức khỏe cộng đồng.

d) Xây dựng văn hoá số lành mạnh, đề cao bản sắc dân tộc, triển khai quy tắc ứng xử trên mạng. Kiên quyết xử lý hiện tượng lệch chuẩn văn hoá số, bảo vệ giá trị cốt lõi của xã hội Việt Nam trong không gian mạng toàn cầu.

6. Thi đua khen thưởng

Thi đua là động lực, khen thưởng là ghi nhận. Mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tôn vinh, biểu dương kịp thời, xứng đáng các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp thiết thực, hiệu quả cho phát triển kinh tế số và xã hội số. Khen thưởng đúng người, đúng việc, kịp thời; tạo khí thế thi đua sôi nổi, lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số sâu rộng trong toàn xã hội.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ tại mục (IV) (2), Các nhiệm vụ tại mục (IV) (4.1) (4.2) và Phụ lục của Kế hoạch, nhiệm vụ tại mục (IV) (4.3) và Phụ lục của Kế hoạch nhiệm vụ tại mục (IV) (5) của Kế hoạch.

a) Chủ trì, tham mưu hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế số và xã hội số; tổ chức triển khai các nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, nhân lực số trên địa bàn xã.

b) Xây dựng, phát triển, quản lý và vận hành các hạ tầng số, nền tảng số, kho dữ liệu dùng chung, cổng dữ liệu mở của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, xã thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác và công bố dữ liệu mở bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và dữ liệu cá nhân.

c) Triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hằng năm.

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ tại mục (IV) (3) của Kế hoạch. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về thương mại điện tử, bảo vệ người tiêu dùng, bảo đảm giao dịch an toàn trên môi trường mạng. Nghiên cứu triển khai tích hợp IoT vào một số hạ tầng quan trọng của tỉnh.

a) Nghiên cứu lồng ghép chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư của xã. Đề xuất cơ chế,

chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng số, đổi mới sáng tạo. Chủ trì triển khai các nhiệm vụ tại mục (IV) (1) của Kế hoạch.

b) Triển khai nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch.

c) Chủ trì tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm theo quy định để triển khai hiệu quả Kế hoạch.

3. Công an xã

a) Chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND xã về phát triển hạ tầng định danh, xác thực điện tử theo chương trình, kế hoạch của Bộ Công an và đảm bảo an ninh an toàn thông tin mạng.

b) Triển khai nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch; Phối hợp với các đơn vị trong việc nghiên cứu, tham mưu triển khai các nội dung Kế hoạch (trọng tâm là mục III).

4. Các cơ quan, ban, ngành, đơn vị trong toàn xã

a) Chủ động công bố dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực và địa phương. Chú trọng công bố các dữ liệu về dân cư, đất đai, môi trường, y tế, giáo dục, dịch vụ công. Tăng cường phối hợp với Sở KH&CN trong cập nhật, mở rộng danh mục dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh số hóa hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp nhận phản ánh kiến nghị trên môi trường mạng

c) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các bài toán lớn của địa phương thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

d) Chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương (trọng tâm các nhiệm vụ tại mục III). Chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn và chất lượng của các nhiệm vụ được giao.

5. Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã

Phối hợp chặt chẽ với Phòng Văn hóa – Xã hội, các phòng, ban, ngành, đơn vị xã triển khai tuyên truyền thường xuyên, định kỳ, sâu rộng về nội dung Kế hoạch; lực lượng xung kích trên mặt trận truyền thông, góp phần tạo sự đồng thuận, lan tỏa nhận thức, khơi dậy khát vọng đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số trên toàn xã

6. Các trường học trên địa bàn xã

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số cấp trường hằng năm, tổ chức rà soát số hóa toàn bộ dữ liệu hồ sơ của trường, bảo đảm cơ sở vật chất như manginternet, máy tính, thiết bị trình chiếu, phòng tin học, hệ thống bảo mật.

Giáo viên các nhà trường trên địa bàn thường xuyên tự học, bồi dưỡng kỹ năng số ứng dụng kỹ năng số trong soạn bài, giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

Học sinh tích cực tham gia các khóa học về tin học, kỹ năng số, các hoạt động STEM, robotics.

7. Đề nghị Đoàn Thanh niên xã

Chỉ đạo hệ thống tổ chức Đoàn xã cử đầu mối tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do UBND xã phát động, điều phối; phát động đoàn viên thanh niên làm lực lượng nòng cốt tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử

dụng dịch vụ số; là lực lượng xung kích góp phần đưa công nghệ số đến với từng người dân. Triển khai nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch.

8. Đề nghị Hội Nông dân, Các Hợp tác xã

Xây dựng kế hoạch hành động, chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số, phục vụ hiệu quả kinh tế số và xã hội số. Đưa chuyển đổi số đi vào từng hợp tác xã, từng hội nông dân là nền tảng quan trọng để lan tỏa công nghệ số sâu rộng tới người nông dân, hợp tác xã - những chủ thể trung tâm trong phát triển kinh tế số toàn diện, bao trùm.

9. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, giám sát triển khai Kế hoạch.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các cơ quan, phòng, ban, đơn vị được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch và tại Phụ lục kèm theo có trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá kết quả hằng năm, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 10/11 hằng năm và báo cáo đột xuất, báo cáo sơ kết, tổng kết khi có yêu cầu về Phòng Văn hóa – Xã hội để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TTĐU, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- BQL các thôn trên địa bàn;
- Chánh VP, CVTH HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Công Trụ

Phụ lục
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI
SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của UBND xã Vân Sơn)

TT	Chỉ tiêu	Chủ trì
	I. Kinh tế số	
1	Kinh tế số chiếm 20% GRDP xã.	Phòng Kinh tế
2	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số đạt 20%	Phòng Văn hóa – Xã hội; Phòng Kinh tế, theo dõi, báo cáo chỉ tiêu
3	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 5%	Phòng Văn hóa – Xã hội
4	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)/GRDP tối thiểu 2%.	Phòng Kinh tế
	II. Xã hội số	
1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ 01 Gb/s đạt > 80%.	Phòng Văn hóa – Xã hội
2	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt > 50% dân số.	Phòng Văn hóa – Xã hội
3	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt $\geq 60\%$.	Công an xã
4	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt trên $\geq 90\%$.	Công an xã
5	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 55%	Ngân hàng nhà nước khu vực IV Lục Ngạn
6	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 10%	Đoàn xã

7	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động đạt 55%.	Phòng Văn hóa – Xã hội thúc đẩy, theo dõi, báo cáo chỉ tiêu
8	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt trên > 70%.	Văn phòng HĐND&UBND xã
9	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt > 80%.	Phòng Văn hóa – Xã hội
10	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt 95%.	Trung tâm Y tế xã
11	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt $\geq 80\%$.	Ngân hàng nhà nước khu vực IV Lục Ngạn
12	Tỷ lệ người dân được định danh số đạt trên $\geq 90\%$.	Công an xã
13	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt trên 10%.	Phòng Văn hóa – Xã hội